Webapp Học ngoại ngữ bằng Flashcard Use-Case Specification

Webapp Học ngoại ngữ bằng flashcard	Version: <1.0>
Use-Case Specification: <use-case name=""></use-case>	Date: 13/12/2020
PA2-Use-case.docx	

Table of Contents

1. Đặc tả 3 use-case chính		3	
	1.1	Use-case: Học một học phần	3
	1.2	Use-case: Tạo một flashcard	4
	1.3	Use-case: Thêm một học phần công khai.	5

Webapp Học ngoại ngữ bằng flashcard	Version: <1.0>
Use-Case Specification: <use-case name=""></use-case>	Date: 13/12/2020
PA2-Use-case.docx	

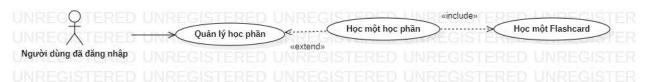
1. Đặc tả 3 use-case chính

Phần này nhóm đã cập nhật lại để thêm chi tiết thông tin hiển thị trên giao diện của các use-case đã nêu ở PA2.

Nhóm đã chọn 3 use-case chính: Học một học phần, tạo một flashcard, thêm một học phần từ cộng đồng.

1.1 Use-case: Học một học phần

1.1.1 Sơ đồ:



1.1.2 Đặc tả use-case:

Use case Name	Học một học phần	
(Tên use-case)		
Brief description	Use-case này mô tả quá trình học một học phần gồm nhiều flashcard của user	
(Mô tả)		
Actors	User đã đăng nhập	
(Actors)		
Basic Flow	 Tại màn hình trang chủ, user nhấn vào mục "Học phần" ở side-bar. 	
(Luồng cơ bản)	 Hệ thống hiển thị danh sách các học phần đã tạo của user. Thông tin hiển thị bao gồm: 	
	 Tên học phần 	
	 Chế độ hiển thị (công khai, không công khai) được thể hiện bằng icon 	
	 Số lượng thẻ tới hạn (thẻ đã học nhưng hết thời hạn ghi nhớ), đã học, chưa học, tổng số thẻ. 	
	 Nút tùy chọn hiển thị bằng icon ":" cho phép user thêm tùy chọn cho học phần. 	
	 Khi user đang hover một dòng hiển thị học phần, hệ thống sẽ highlight học phần đang chọn. 	
	4. User nhấn vào dòng của học phần muốn học.	
	5. Hệ thống sẽ hiển thị flashcard đầu tiên tới hạn trong học phần, thanh	
	progress, số lượng thẻ tới hạn đã học, thời gian đã học (timer), 2 button qua trái và qua phải.	
	 Khi user hover vào flashcard, hệ thống hiển thị "nhấn vào thẻ để lật" ở phía dưới flashcard. 	
	7. User nhấn vào flashcard để hiện mặt sau.	
	8. Hệ thống hiển thị độ khó của flashcard phía dưới bao gồm 4 button: học lại, khó, dễ, trung bình.	
	9. User tự đánh giá độ khó của flashcard và chọn 1 trong 4 button.	
	10. Hệ thống lưu kết quả của flashcard hiện tại và hiển thị flashcard tiếp	
	theo, số lượng thẻ đã học tăng, thanh progress thay đổi.	

Webapp Học ngoại ngữ bằng flashcard	Version: <1.0>
Use-Case Specification: <use-case name=""></use-case>	Date: 13/12/2020
PA2-Use-case.docx	

	11. User học lần lượt hết các flashcard trong học phần (lặp lại từ bước 6).	
	12. Sau khi học xong, hệ thống hiển thị "Đã hoàn thành học phần" và thống	
	kê. Thống kê bao gồm: số lượng thẻ đã học, số thẻ khó, dễ, trung bình và	
	thời gian học.	
	13. User có thể nhấn nút quay về học phần để học tiếp các học phần tiếp	
	theo (Lặp lại từ bước 2).	
Alternative Flows	Alternative flow 1: User quay lại flashcard vừa học trước đó	
(Các luồng thay thế)	1. Tại #6 và #7 của basic flow user nhấn vào nút "Quay lại"	
	Hệ thống quay lại flashcard trước đó và restore trạng thái.	
	Alternative flow 2: User nhấn button "Tiếp theo"	
	 Tại #6 và #7 của basic flow user nhấn vào nút "Tiếp theo" 	
	2. Hệ thống sẽ lật mặt sau của flashcard.	
	3. User nhấn button "Tiếp theo" một lần nữa.	
	4. Hệ thống mặt định chọn độ khó là bình thường và hiển thị flashcard tiếp	
	theo.	
	Alternative flow 2: User ngừng học học phần khi chưa hoàn thành tất cả các	
	flashcard	
	 Tại #5, #6, #7, #8, #9 user ngừng học học phần và chuyển trang hoặc mất kết nối 	
	2. Hệ thống sẽ lưu lại trạng thái của học phần hiện tại	
	3. Khi user tiếp tục học phần, hệ thống thông báo tiến trình đang học	
	4. User tiếp tục học	
	555. 756 345.745	
	Alternative flow 3:	
Pre-conditions	User phải đăng nhập vào hệ thống	
(Điều kiện đầu vào)	Có tối thiểu một học phần	
Post-conditions	User học các flashcard trong học phần, hệ thống lưu và thống kê lại quá trình	
(Điều kiện đầu ra)	học.	

1.2 Use-case: Tạo một flashcard

Use case Name	Tạo một flashcard	
(Tên use-case)		
Brief description	Use-case này mô tả quá trình tạo một flashcard trong học phần của user	
(Mô tả)		
Actors	User đã đăng nhập	
(Actors)		
Basic Flow	 Tại màn hình trang chủ, user nhấn vào mục "Học phần" ở side-bar. 	
(Luồng cơ bản)	 2. Hệ thống hiển thị danh sách các học phần đã tạo của user. Thông tin hiển thị bao gồm (tương tự bước 2 use-case Học một học phần): Chế độ hiển thị. Tên học phần. Số lượng thẻ tới hạn, đã học, chưa học, tổng. Button tùy chọn hiển thị bằng icon. 	
	 Khi user đang hover một dòng hiển thị học phần, hệ thống sẽ highlight học phần đang chọn. 	

Webapp Học ngoại ngữ bằng flashcard	Version: <1.0>
Use-Case Specification: <use-case name=""></use-case>	Date: 13/12/2020
PA2-Use-case.docx	

	4. User nhấn vào button tùy chọn.
	5. Hệ thổng hiển thị một danh sách các tùy chọn bên dưới dòng hiển thị
	học phần bao gồm: thêm flashcard, sửa thông tin, xem chi tiết, xóa học
	phần.
	6. User nhấn chọn thêm flashcard.
	7. Hệ thống hiển thị form thêm flashcard bao gồm 2 form: mặt trước, mặt
	sau và một cột hiển thị preview cho flashcard
	8. User có thể chọn template cho flashcard. Mặt định mặt trước một
	trường text, mặt sau một trường text.
	8.1 User nhấn chọn button template.
	8.2 Hệ thống hiển thị danh sách các template của user.
	8.3 User nhấn chọn một template
	8.4 Hệ thống hiển thị form theo template user đã chọn.
	9. User nhập thông tin vào form. Mỗi trường của form bao gồm:
	 Icon hiển thị loại form (text, hình ảnh, audio)
	Trường input.
	Nút tùy chọn.
	10. User nhập thông tin vào phần input.
	11. Hệ thống hiển thị phần preview flashcard tương ứng với dữ liệu user
	nhập vào.
	12. Sau khi user nhập xong, user nhấn button "Hoàn tất ở bên dưới".
	13. Hệ thống thêm flashcard vào học phần đã chọn và hiển thị thông báo
	thêm thành công.
Alternative Flows	Alternative flow 1: User input invalid
(Các luồng thay thế)	1. Tại #7 của basic flow input của user không hợp lệ
	2. Form điền sẽ hiển thị cảnh bảo các trường thêm không hợp lệ với hướng
	dẫn.
	Alternative flow 1: User thêm nhiều hơn một thẻ.
	1. User nhấn "thêm thẻ mới"
	2. Hệ thống hiển thị một form thẻ mới bên dưới thẻ đang chọn.
	3. Các bước nhập tương tự từ #7 của luồng chính.
	4. Khi user nhấn hoàn tất hệ thống sẽ thêm danh sách các flashcard.
Pre-conditions	User phải đăng nhập vào hệ thống
(Điều kiện đầu vào)	
Post-conditions	Hệ thống lưu flashcard mà user đã thêm và hiển thị thông báo lưu thành công
(Điều kiện đầu ra)	
· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	·

1.3 Use-case: Thêm một học phần công khai.

Use case Name	Tìm kiếm học phần công khai	
(Tên use-case)		
Brief description	Use-case này mô tả quá trình tìm kiếm các học phần và thêm một học phần đã	
(Mô tả)	được chia sẻ từ cộng đồng của user.	
Actors	User đã đăng nhập	
(Actors)		

Webapp Học ngoại ngữ bằng flashcard	Version: <1.0>
Use-Case Specification: <use-case name=""></use-case>	Date: 13/12/2020
PA2-Use-case.docx	

Dania Flann	4 Hannah 2 12 (C2 - + 22 - 1) 2 Hannah mainting	
Basic Flow	1. User nhấn vào "Cộng đồng" ở thanh navigation	
(Luồng cơ bản)	2. Hệ thống hiển thị thanh search, button filter, các suggest tag và danh	
	sách các học phần công khai bao gồm:	
	Tên học phần	
	• Số thẻ	
	 Đánh giá 	
	Người tạo	
	Button thêm	
	Ngày chia sẻ	
	3. Các học phần đã thêm sẽ hiển thị dấu tick xanh ở button thêm	
	 Khi user hover vào một dòng học phần, hệ thống sẽ highlight dòng học phần đó. 	
	 User có thể nhập dữ liệu vào thanh search hoặc chọn các tag đượ suggest sẵn ở bên dưới. 	
	6. Hệ thống hiển thị danh sách các học phần đã được chia sẻ từ cộr đồng theo tiêu chí user đã chọn.	
	 User nhấn vào button thêm ở phía bên phải của dòng học phần độ chọn. 	
	8. Hệ thống hiển thị dấu tick xanh và thông báo "Đã thêm học phần vào học phần của bạn"	
Alternative Flows	Alternative flow 1: User không tìm thấy kết quả	
(Các luồng thay thế)	1. Tại #5 của basic flow input của user không hợp lệ	
	2. Hệ thống hiển thị "Không tìm thấy kết quả tương ứng" và hiển thị	
	các học phần gợi ý mà user có thể muốn xem	
Pre-conditions	User đã đăng nhập vào hệ thống (User chưa đăng nhập chỉ có thể tìm kiếm mà	
(Điều kiện đầu vào)	không thể thêm học phần từ cộng đồng được)	
Post-conditions	Hệ thống hiển thị dấu tích xanh ở phần tùy chọn của dòng học phần công khai và	
(Điều kiện đầu ra)	thêm vào học phần của user.	